

Số: 136 /QĐ-UBND

Quận 9, ngày 03 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
tỷ lệ 1/500 khu nhà ở phường Trường Thạnh, quận 9.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11
ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính
phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính
phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn Luật nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ xây
dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy
ban nhân dân Thành phố về thẩm quyền, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy
hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ quy hoạch chung quận 9 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê
duyệt tại Quyết định số 3815/QĐ-UB-QLĐT ngày 02 tháng 7 năm 1999;

Căn cứ định hướng điều chỉnh quy hoạch chung quận 9 đã được Ủy ban nhân
dân Thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 3216/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 7 năm 2007;

Căn cứ công văn số 2737/SQHKT-QHKV2 ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Sở
Quy hoạch - Kiến trúc về cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc công trình nhóm
nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9;

Căn cứ công văn số 9125/UBND-ĐTMT ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy
ban nhân dân Thành phố về chủ trương cho Công ty Cổ phần nhà Việt Nam đầu tư
thực hiện dự án nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9;

Căn cứ kết quả thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500
khu nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9 tại văn bản số 1850/KQTĐ-SQHKT
ngày 24 tháng 5 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc;

Xét đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại phường
Trường Thạnh, quận 9 do Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố lập;

Xét theo đề nghị của Phòng Quản lý đô thị quận 9 tại tờ trình số 5.0...../TT-
QLĐT ngày 30 tháng 5 năm 2008 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây
dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại phường Trường Thạnh, quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu nhà ở phường Trường Thạnh, quận 9, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

1.1. Vị trí tại phường Trường Thạnh, quận 9, quy mô 144.640 m², xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/500 ngày 30 tháng 10 năm 2007 do Công ty Cổ phần phát triển nhà Sài Gòn lập.

1.2. Giới hạn của khu đất như sau:

- Phía Đông : giáp Sông Tắc.
- Phía Tây : giáp Dự án khu nhà ở của Công ty Cổ phần nhà Việt Nam và một phần đất ruộng.
- Phía Nam : giáp rạch Mòn.
- Phía Bắc : giáp đất ruộng.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập quy hoạch:

Tăng quỹ nhà ở tại khu đô thị mới phát triển nhằm giảm áp lực về nhà ở tại đô thị hiện hữu.

3. Mục tiêu của đồ án điều chỉnh quy hoạch:

Xây dựng khu nhà ở để kinh doanh.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 144.640 m², phân bổ theo cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất nhóm ở : 125.850 m², chiếm tỷ lệ 87,01% diện tích toàn khu, trong đó:
 - + Đất ở nhà liên kế phố : 5.160 m², chiếm 4,10% diện tích đất nhóm ở.
 - + Đất ở nhà đơn lập và song lập : 32.530 m², chiếm 25,85% diện tích đất nhóm ở.
 - + Đất nhóm ở nhà chung cư : 28.000 m², chiếm 22,25% diện tích đất nhóm ở.
 - + Đất giao thông, sân bãi nhóm ở : 41.450 m², chiếm 32,94% diện tích đất nhóm ở.
 - + Đất cây xanh, mặt nước (kè cả 7.396,5 m² đất cây xanh cảnh quan ven rạch) : 18.710 m², chiếm 14,86% diện tích đất nhóm ở.
 - + Đất công trình công cộng toàn khu, gồm: : 18.790 m², chiếm 12,99% diện tích đất

+ Dịch vụ thương mại đa năng : 11.000 m².

+ Trung tâm sinh hoạt cộng đồng và nghỉ dưỡng : 6.560 m².

+ Nhà trẻ - mẫu giáo : 1.230 m².

5. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc toàn khu:

- Quy mô dân số dự kiến : khoảng 3.644 người.

- Bình quân diện tích đất toàn khu : 39,69 m²/người, gồm:

+ Đất nhóm nhà ở : 34,54 m²/người, trong đó:

* Đất ở nhà riêng lẻ và nhóm ở chung cư : 18,03 m²/người.

* Đất giao thông, sân bãi nhóm ở : 11,37 m²/người.

* Đất cây xanh, mặt nước : 4,12 m²/người.

(Trong đó tính 50% diện tích đất cây xanh cảnh quan ven rạch vào chỉ tiêu)

+ Đất công trình công cộng: 2,13 m²/người (không kể đất dịch vụ thương mại đa năng)

- Mật độ xây dựng toàn khu : 23%.

- Hệ số sử dụng đất : 2,5.

- Tầng cao xây dựng:

+ Tối thiểu: : 02 tầng.

+ Tối đa : 15 tầng.

- Chiều cao xây dựng tối đa : 60m.

- Hành lang an toàn sông, rạch:

+ Rạch Mơn : ≥20m.

+ Sông Tắc : ≥30m (lưu ý hành lang trên bờ sông, kênh, rạch cần tuân thủ theo quyết định 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của UBND Thành phố).

5.2. Các chỉ tiêu quy hoạch- kiến trúc cho các hạng mục công trình trong khu quy hoạch:

Tổng số căn hộ toàn khu : 874 căn, trong đó:

- Tổng số căn hộ chung cư : 726 căn hộ.

- Tổng số nhà ở riêng lẻ : 148 căn, gồm:

+ Nhà liền kề phố : 39 căn.

+ Nhà song lập : 13 căn.

+ Nhà đơn lập : 96 căn.

a. Mẫu nhà liên kế phố được áp dụng cho các lô đất thuộc các nhóm nhà ở có ký hiệu Q, R, S:

- Số lượng : 39 căn.
- Diện tích lô đất : $128 \div 173 \text{ m}^2$.
- Mật độ xây dựng tối đa : 82,8%.
- Tầng cao xây dựng : 04 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 19 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái).

- Khoảng lùi công trình:

- + Sân trước : 1,5 m.
- + Sân sau : 1 m.

(Riêng 03 lô tại vị trí góc giao lộ thuộc lô S_D11-1; R_D11-1; Q_D8A-1 lùi một bên 3,5 m).

b. Mẫu nhà song lập được áp dụng cho các lô đất thuộc nhóm nhà ở có ký hiệu T:

- Số lượng : 13 căn.
- Diện tích lô đất : 200 m^2 .
- Mật độ xây dựng tối đa : 54%.
- Tầng cao xây dựng : 03 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 15,5 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái).

- Khoảng lùi công trình:

- + Sân trước : 4,5 m.
- + Sân sau : 2 m.
- + Một bên hông : 2 m.

c. Mẫu biệt thự đơn lập được áp dụng cho các lô đất thuộc các nhóm nhà ở có ký hiệu A, B, C, D, E, F, G, H, L, M, N, O, P:

- Số lượng : 96 căn.
- Diện tích lô đất : $237,7 \div 686,4 \text{ m}^2$.
- Mật độ xây dựng tối đa : 45%.
- Tầng cao xây dựng : 03 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 15,5 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái).

- Khoảng lùi công trình:

- + Sân trước : ≥ 3 m.
- + Sân sau : ≥ 2 m.
- + Hai bên hông : ≥ 2 m.

d. Chung cư cao tầng được bố trí tại khu đất có ký hiệu I, II:

- Diện tích khuôn viên : 28.000 m² (bao gồm đất chung cư, giao thông, sân bãi và cây xanh, mặt nước).
- Số lượng : 09 đơn nguyên.
- Tổng số căn hộ : 726 căn hộ.
- Mật độ xây dựng tối đa : 40% (tương đương với diện tích xây dựng 11.200 m²).
- Hệ số sử dụng đất : ≤ 4 .
- Tầng cao xây dựng tối đa : 15 tầng.
- Chiều cao xây dựng : 60 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái buồng thang).

- Khoảng lùi công trình:

- + So với ranh lô giới các tuyến đường tiếp giáp : ≥ 6 m.
- + So với các ranh đất tiếp giáp còn lại : ≥ 4 m.

- Lưu ý: Khoảng cách giữa các đơn nguyên chung cư cao tầng cần phù hợp Quy chuẩn xây dựng.

e. Dịch vụ thương mại đa năng được bố trí tại khu đất có ký hiệu III:

- Diện tích khuôn viên : 11.000 m².
- Mật độ xây dựng : khoảng 26%. (tương đương với diện tích xây dựng 2.860 m²).
- Hệ số sử dụng đất : khoảng 2,9.
- Tầng cao xây dựng tối đa : 09 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 36 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái buồng thang).

- Khoảng lùi công trình:

- + So với ranh lô giới đường số 3 : ≥ 6 m.
- + So với ranh mép bờ cao sông Tắc : ≥ 30 m.

- Lưu ý: Phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn sông Tắc cần tuân thủ theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của UBND Thành phố.

f. Trung tâm sinh hoạt cộng đồng và khu nghỉ dưỡng được bố trí tại khu đất có ký hiệu IV:

- Diện tích khuôn viên : 6.560 m².
- Mật độ xây dựng : khoảng 28%.(tương đương với diện tích xây dựng 1.836,8 m²).
- Hệ số sử dụng đất : khoảng 1,56.
- Tầng cao xây dựng tối đa : 06 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 24 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái buồng thang).
- Khoảng lùi công trình:
 - + So với ranh lô giới đường số 10 : ≥6,5 m.
 - + So với ranh mép bờ cao sông Tắc : ≥30 m.

- Lưu ý: Phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn sông Tắc cần tuân thủ theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của UBND Thành phố.

g. Nhà trẻ - mẫu giáo:

- Diện tích khuôn viên : 1.230 m².
- Mật độ xây dựng : khoảng 40%.(tương đương với diện tích xây dựng 492 m²).
- Hệ số sử dụng đất : khoảng 1.
- Tầng cao xây dựng tối đa : 02 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa : 9,6 m (tính từ cốt nền sân đến đỉnh mái buồng thang).
- Khoảng lùi công trình:
 - + So với ranh lô giới đường số 11 : 7 m.
 - + So với ranh lô giới đường số 8 và số 12 : 3 m.
 - + So với ranh đất tiếp giáp : 3 m.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Đường số 1: lòng đường 6 m, hè phố dân cư 3 m, phần còn lại dãy cây xanh dọc rạch Mơn.
- Đường số 2: lòng đường 8 m, hè phố dân cư 3 m, phần còn lại dãy cây xanh.
- Đường số 3: lô giới 16 m với quy mô mặt cắt ngang (hè phố 4 m + lòng đường 8 m + hè phố 4 m).

- Đường số 4, 5, 6, 7, 8, 12: lộ giới 12 m với quy mô mặt cắt ngang (hè phố 3 m + lòng đường 6 m + hè phố 3 m).
- Đường số 9: lộ giới 20 m với quy mô mặt cắt ngang (chỗ đậu xe 5 m + hè phố 2 m + lòng đường 6 m + chỗ đậu xe 5 m + hè phố 2 m).
- Đường số 10: lộ giới 18 m với quy mô mặt cắt ngang (hè phố 3 m + lòng đường 10 m + hè phố 5 m).
- Đường số 10': lộ giới 16 m với quy mô mặt cắt ngang (hè phố 3 m + lòng đường 10 m + hè phố 3 m).
- Đường số 11: lộ giới 16 m với quy mô mặt cắt ngang (hè phố 3 m + lòng đường 6 m + chỗ đậu xe 5,5 m + hè phố 1,5 m).
- Khoảng lùi xây dựng đảm bảo theo yêu cầu quy chuẩn xây dựng.
- Lưu ý:
 - + Quy mô mặt cắt ngang đường số 10" sẽ do dự án đường ven sông xác định.
 - + Kết nối các tuyến đường khu ở với mạng lưới giao thông khu vực.
 - + Tuyến đường số 8 trong trường hợp không kết nối được với khu vực phía Bắc khu đất cần bố trí chỗ quay xe.
 - + Hành lang cách lý sông Tắc tối thiểu 30 m.
 - + Hành lang cách ly rạch Mơn tối thiểu 20 m.

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

* Quy hoạch chiều cao (san nền):

- Thông nhất giải pháp tổ chức đắp nền tạo mặt bằng xây dựng trên toàn bộ diện tích của khu vực.
- Cao độ nền xây dựng: $H_{xd} \geq 2,10$ m – Hệ cao độ VN 2000.
- Cao độ nền thiết kế tại các điểm giao cắt đường (thể hiện trong bản vẽ) sơ bộ tính cho phần mép đường thấp nhất và có giá trị biến đổi từ 2,10 m đến 2,70 m.

* Quy hoạch thoát nước mưa:

- Thông nhất với giải pháp và những định hướng thoát nước chính đề xuất cho khu vực, bao gồm:
 - + Tổ chức hệ thống thoát riêng nước bẩn và mưa, cống thoát nước đặt ngầm, kích thước cống tính toán theo chu kỳ tràn cống $T = 3$ năm.
 - + Bố trí cống dọc các trục đường giao thông trong khu vực theo 5 tuyến cống chính tập trung thoát nhanh nhất về các nguồn xả.
 - + Nguồn thoát nước: thoát xả trực tiếp ra rạch Mơn và sông Tắc.

- Về kích thước cống và các thông số kỹ thuật mạng lưới:

+ Thống nhất với quy mô lưu vực và kích thước đề xuất thiết kế cho các tuyến cống trong khu vực quy hoạch. Kích thước các tuyến cống biến đổi từ $\Phi 400$ mm đến $\Phi 1000$ mm.

+ Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c \geq 0,70$ m; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

- Lưu ý:

+ Với các thông số kỹ thuật như cao độ đáy cống, độ dốc cống... đề nghị lưu ý khi triển khai các giai đoạn thiết kế tiếp theo cần tính toán kiểm tra và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện nghiên cứu chi tiết của từng giai đoạn.

+ Với các trục đường nối với khu vực giáp ranh (đường số 3, số 10...) đề nghị phối hợp với khu xây dựng giáp ranh để xác định chi tiết các thông số thiết kế của tuyến đường, đảm bảo sự kết nối hài hoà.

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Dựa vào tuyến ống cấp nước $\Phi 250$ dự kiến xây dựng trên đường Tam Đa, tuyến ống cấp nước $\Phi 400$ trên đường Nguyễn Duy Trinh – Nguyễn Xiển.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày đêm.

+ Cấp nước chữa cháy: 10 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 1 đám cháy.

+ Tổng lượng nước cấp toàn khu: $Q_{max} = 1490 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước trong khu quy hoạch: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với mạng lưới cấp nước khu nhà ở Việt Nam I đang thực hiện, nối vào tuyến ống $\Phi 250$ trên đường Tam Đa. Thiết kế mạng lưới cấp nước theo mạng vòng. Đối với các khu chung cư cao tầng, bố trí bơm tăng áp (biến tần) tăng cường áp lực nước.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa vào mạng lưới cấp nước bố trí trụ cứu hỏa. Ngoài ra cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các rạch khi có sự cố.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Chi tiêu cấp điện: 1800 - 2000 KWh/người/năm.

- Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22KV Thủ Đức Đông.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV kiểu trạm phòng, dùng máy biến áp 3 pha, công suất $\geq 250\text{KVA}$.

- Xây dựng mới mạng trung thế sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện phù hợp chôn ngầm.

- Xây dựng mới mạng hạ thế cấp điện công trình và chiếu sang giao thông sử dụng cáp đồng bọc cách điện, tiết diện phù hợp chôn ngầm.

- Hệ thống chiếu sáng giao thông, công trình công cộng sử dụng đèn cao áp Sodium 150W – 220V, đặt trên trụ thép tráng kẽm.

6.5. Quy hoạch thoát nước bẩn, rác thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước bẩn:

- Chỉ tiêu thoát nước bẩn:

+ Thoát nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày đêm.

+ Tổng lượng nước bẩn lớn nhất toàn khu: $Q_{max} = 1270 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước bẩn riêng. Nước thải phân tiểu phải được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đúng quy cách trước khi xả thoát vào cống, sau đó đưa về trạm xử lý.

+ Giai đoạn đầu: Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý phải đạt tiêu chuẩn TCVN - 7222-2002 và TCVN 5945-1995 trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

+ Giai đoạn hoàn chỉnh: Nước thải từ trạm xử lý cục bộ, được đưa về nhà máy xử lý cạnh sông Tắc và rạch Cây Cẩm.

b. Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 3,5 tấn/ngày.

- Rác thải được phân loại ở từng hộ dân và thu gom về trạm trung chuyển rác. Sử dụng xe chuyên dùng chở rác đến công trường xử lý rác đặt tại Phước Hiệp, Củ Chi.

6.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Đạt yêu cầu theo quy định.

Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

7. Các điểm lưu ý quan trọng khác:

- Khi lập phương án kiến trúc công trình chung cư cao tầng cần lưu ý bố trí các công trình dịch vụ công cộng tại tầng trệt. Chủ đầu tư cần liên hệ Cụm cảng Hàng không Việt Nam để được hướng dẫn lắp đặt đèn tín hiệu cho các công trình cao tầng.

- Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch này chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc định vị hệ thống giao thông đã được thể hiện trong các bản vẽ của đồ án, đảm bảo kết nối với hệ thống giao thông các dự án đầu tư xây dựng kế cận. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường khu đất, nếu hệ thống giao thông có sai lệch vị trí điểm nối kết với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo định hướng quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, chủ đầu tư cần báo cáo Ủy ban nhân dân quận 9 phối hợp với Sở Quy hoạch Kiến trúc để có giải pháp xử lý, điều chỉnh đồ án cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Nội dung chi tiết cụ thể của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến từng công trình trong phạm vi ranh dự án Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm lập thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thi công của dự án và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện dự án chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn thiện các hạng mục công trình của dự án đảm bảo kết nối mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

- Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu thỏa thuận về phòng cháy chữa cháy theo quy định của Sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy (Công an Thành phố).

Điều 2. Công ty Cổ phần nhà Việt Nam có trách nhiệm thực hiện tiếp một số công việc sau:

- Lập và trình duyệt quy chế quản lý xây dựng, lập và trình duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế thi công các hạng mục công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật do đơn vị tư vấn có chức năng lập làm cơ sở thực hiện công tác quản lý quy hoạch, xây dựng đô thị theo nội dung đã được phê duyệt.

- Trong trường hợp ranh đất và diện tích đất được cơ quan chức năng giao hoặc cho thuê có thay đổi so với ranh đất đã được phê duyệt; hoặc trong quá trình triển khai có phát sinh những vấn đề chưa phù hợp, chủ đầu tư phải thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch và trình Ủy ban nhân dân quận 9 để được phê duyệt lại.

Điều 3. Trên cơ sở đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 được phê duyệt, Công ty Cổ phần nhà Việt Nam phối hợp với các phòng, ban có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận 9 và Ủy ban nhân dân phường Trường Thạnh tổ chức công bố quy hoạch theo quy định. Các phòng ban chức năng thuộc Ủy ban nhân dân quận 9 có trách nhiệm kiểm tra, quản lý, giám sát việc xây dựng dự án theo quy hoạch được duyệt và có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng các phòng, ban chức năng thuộc quận 9, Giám đốc Công ty Cổ phần nhà Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trường Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để báo cáo);
- Như điều 4;
- Sở TN-MT;
- Sở QH-KT;
- Sở XD;
- Sở GTCC;
- TT HĐND-UBND Q9;
- Lưu VT, (tổ QH).

CHỦ TỊCH



Lê Thị Tám